

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2017/DS-PT.

Ngày: 19/9/2017.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tăng

Ông Lê Hồng Nước

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Diễm Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:*** Ông Nguyễn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2017/TLPT-DS ngày 21 tháng 8 năm 2017 về việc “Hợp đồng mua bán”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2017/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 247/2017/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạm Thanh L - sinh năm: 1964.

Địa chỉ: 465A/1 ấp T, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Lương Minh Q - sinh năm: 1962.

Địa chỉ: 370A ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn Phạm Thanh L.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân

huyện V.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/4/2017 và quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Phạm Thanh L trình bày:

Vào ngày 27/3/2017 anh và Lương Minh Q có thỏa thuận bằng lời nói hợp đồng mua bán quýt trái, sau khi thỏa thuận xong thì anh đã đặt 10.000.000 đồng tiền cọc, qua ngày hôm sau (28/3/2017) anh Q gặp anh thỏa thuận rút ngắn thời gian hái quýt xuống 10 ngày nhưng anh không đồng ý và sau đó anh Q đã bán quýt cho người khác. Do đó, ông L yêu cầu anh Q trả cho anh số tiền đặt cọc là 10.000.000 đồng và khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc là 10.000.000 đồng. Cộng chung là 20.000.000 đồng.

Bị đơn Lương Minh Q trình bày: Vào ngày 27/3/2017 anh và ông L có thỏa thuận mua bán quýt trái như ông L đã trình bày và anh thừa nhận có nhận số tiền 10.000.000 đồng, số tiền này là tiền “giao mãi”, không phải là tiền cọc, nhưng tới hôm đó về, sau khi bàn bạc với vợ anh thì anh thấy nếu hái quýt trễ sẽ ảnh hưởng đến vườn quýt cho những vụ tiếp theo, nên qua ngày sau (28/3/2017) anh có gặp ông L để thương lượng lại là đồng ý bán quýt cho ông L, nhưng chỉ rút ngắn ngày hái quýt lại nhằm khắc phục thiệt hại vườn quýt, việc thương lượng trên không được ông L đồng ý cho nên anh không bán quýt cho ông L như thỏa thuận ban đầu. Cũng ngay thời điểm đó anh đồng ý trả lại tiền giao mãi cho ông L, nhưng ông L không nhận. Sau khi thỏa thuận lại với ông L không thành, anh đã bán quýt cho người khác vì tới thời điểm thu hoạch nếu không thu hoạch sẽ gây suy cây và thiệt hại lớn về kinh tế. Do đó, nay anh chỉ đồng ý trả lại cho ông L số tiền giao mãi đã nhận là 10.000.000 đồng còn khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc là 10.000.000 đồng anh không đồng ý.

Tại tờ tường trình ngày 31/3/2017, người làm chứng Trương Hoài P trình bày: Hợp đồng mua bán quýt trái giữa ông L với anh Q là đúng như ông L và anh Q trình bày, cụ thể vào khoảng 03 giờ chiều ngày 30/02/al anh trực tiếp dẫn ông L đến mua quýt của anh Q, thời gian trả vườn là ngày 30/03/al, sau khi thỏa thuận ông L có giao mãi số tiền 10.000.000 đồng, hẹn ngày 06/03/al đưa thêm 20.000.000 đồng, ngày 15/03/al đưa thêm 20 triệu đồng

cho đủ 50.000.000 đồng, nhưng qua ngày sau (ngày 01/03/al) lúc 03 giờ anh cùng với ông L đến nhà anh Q để bàn bạc thì anh Q đòi ngày bẻ quýt lại 10 ngày (20/03/al), ông L không đồng ý mà yêu cầu thực hiện đúng thỏa thuận về thời gian giao vườn, nếu không phải bồi thường 20.000.000 đồng, yêu cầu này của ông L không được anh Q đồng ý, nên ông L bỏ về.

- Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2017/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

1. Buộc Lương Minh Q có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Phạm Thanh L tài sản giao mãi là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

2. Bác yêu cầu của Phạm Thanh L đối với phần yêu cầu Lương Minh Q trả 10.000.000 đồng khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Phạm Thanh L mà Lương Minh Q chậm trả 10.000.000 đồng thì hàng tháng Lương Minh Q còn phải trả cho Phạm Thanh L thêm phần lãi, theo mức lãi suất 10%/năm, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả nợ cho đến khi trả xong.

3. Án phí, tạm ứng án phí:

Lương Minh Q phải chịu 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Lương Minh Q chưa nộp).

Phạm Thanh L phải chịu 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; Được khấu trừ 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 12656, ngày 12/5/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V, tỉnh Đồng Tháp (Phạm Thanh L đã nộp xong).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo; quyền và thời hiệu yêu cầu thi hành án; nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

- Ngày 24/7/2017, anh Phạm Thanh L có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Ngày 08/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện V kháng nghị sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Thanh L về việc ông L yêu cầu anh Q trả 10.000.000 đồng khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của anh Phạm Thanh L, yêu cầu anh Lương Minh Q ngoài việc phải có nghĩa vụ trả lại cho ông số tiền đặt cọc 10.000.000 đồng thì còn phải bồi thường tiền cọc bằng số tiền tương đương số tiền đặt cọc là 10.000.000 đồng, tổng cộng là 20.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông L và anh Q đều thừa nhận vào ngày 27/3/2017 ông L và anh Q có thỏa thuận bằng lời nói về hợp đồng mua bán quýt trái, sau khi thỏa thuận xong thì ông L giao anh Q 10.000.000 đồng và số tiền này hai bên thống nhất sẽ trừ vào tổng số tiền mua bán quýt khi thanh toán hợp đồng. Như vậy, giữa ông L và anh Q đã xác lập một giao dịch dân sự là hợp đồng mua bán tài sản và số tiền 10.000.000 đồng mà ông L giao cho anh Q là tiền đặt cọc, theo quy định tại Điều 430 và Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015, và vì vậy hai bên đều phải có nghĩa vụ tôn trọng và thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận. Tuy nhiên, sau đó phía anh Q đề nghị thay đổi nội dung hợp đồng về thời điểm thực hiện việc hái quýt nhưng phía ông L không đồng ý; hai bên cũng không có thỏa thuận nào khác và sau đó phía anh Q đã tự ý bán quýt trái cho người khác trong khi chưa có sự thương lượng và thống nhất với ông L, tức phía anh Q đã đơn phương chấm dứt hợp đồng không có căn cứ, được xác định là bên vi phạm nghĩa vụ và phải thực hiện trách nhiệm dân sự của mình theo quy định tại Điều 428 Bộ luật dân sự, cụ thể là anh Q phải có nghĩa vụ trả lại cho ông L số tiền cọc 10.000.000 đồng và một khoản tiền tương đương số tiền đặt cọc là 10.000.000 đồng theo quy định tại Điều 328 Bộ luật dân sự, do đó yêu cầu kháng cáo của ông L là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Đối với lời trình bày của anh Q tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, cho rằng số tiền 10.000.000 đồng mà ông L đã đưa trước cho anh là tiền “giao mãi”, không phải là tiền cọc, nên anh không phải có nghĩa vụ bồi thường tiền cọc 10.000.000 đồng theo yêu cầu của ông L; tại phiên tòa phúc thẩm, anh Q có ý kiến là chỉ đồng ý trả thêm cho ông L 3.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: lời trình bày này của anh Q là không có cơ sở vì không có gì để chứng minh; mặt khác, căn cứ vào thời điểm giao và mục đích của việc giao số tiền 10.000.000 đồng giữa hai bên là phù hợp với nội dung của thỏa thuận đặt cọc theo Điều 328 Bộ luật dân sự; phía ông L cũng không

đồng ý việc chỉ được bồi thường 3.000.000 đồng theo ý kiến của anh Q mà vẫn giữ yêu cầu bồi thường 10.000.000 đồng, nên không chấp nhận lời trình bày này của anh Q.

[3] Do kháng cáo của ông L được chấp nhận nên ông L không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là giữ nguyên kháng nghị số 40/QĐKNPT-VKS-DS ngày 08/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp như nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, 428 và 328 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Thanh L.
- Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V.
- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 25/2017/DS-ST ngày 18/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện V.
- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Thanh L. Buộc anh Lương Minh Q phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Phạm Thanh L số tiền đặt cọc trong hợp đồng mua bán quýt trái là 10.000.000đ và bồi thường tiền cọc cho anh Phạm Thanh L 10.000.000đ, tổng cộng là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Anh Lương Minh Q phải chịu 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Phạm Thanh L không phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm, nên được nhận lại 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số 12656 ngày 12/5/2017 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 15292 ngày 31/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV & THA TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy